KẾT QUẢ ĐIỂM THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT từ hạng III lên hạng II năm 2018

(Kèm theo Thông báo số: 524/TB-HĐTHGV ngày 26/12/2018 của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Lào Cai)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
1	PT001	Lê Thị Mai	Anh		26-8-1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ Tiếng Anh	2017			Tiếng Trung	45,0	55,75	90	95	
2	PT002	Lê Thị Lan	Anh		02/3/1980	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Hóa học	2003			Tiếng Anh	70,0	57,50	100	95	
3	PT003	Đinh Thị Ngọc	Ánh		2-2-1987	Giáo viên	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,0	ĐHSP Sinh học	2009			Tiếng Anh	57,5	42,50	100	92,5	
4	PT004	Phạm Nguyệt	Ánh		30/3/1984	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Sinh-KTNN	2006			Tiếng Anh	65,0	33,25	100	95	
5	PT005	Nguyễn Bá	Bằng	16-6-1983		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2008	x		Tiếng Anh	65,0	45,00	95		
6	PT006	Phạm Thị Ngọc	Bích		29/8/1982	Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-KTNN	2005		x		72,5	56,00		100	
7	PT007	Lã Bá	Biên	14/8/1988		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Văn Bàn	15113	3,00	ĐHSP Vật lý	2013		x		62,5	48,00		100	
8	PT008	Trịnh Khắc	Bình	29/9/1983		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013		x		50,0	27,00		100	
9	PT009	Trần Thị	Bình		22-5-1984	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử	2016		x		82,5	56,25		100	
10	PT010	Đào Thị	Bình		17/11/1984	Giáo viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Toán học	2009			Tiếng Anh					bỏ thi
11	PT011	Nguyễn Văn	Bình	7-7-1986		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	ĐHSP Toán học	2010		x			30,75		92,5	bỏ thi
12	PT012	Nguyễn Trung	Cao	22-8-1989		Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2.67	Đại học Tin học	2011	x	x		82,5	43,00			
13	PT013	Nguyễn Khánh	Chi		19/9/1979	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Toán học	2001		x		77,5	46,25		97,5	
14	PT014	Nguyễn Hà	Chi		08/03/1985	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		70,0	63,50		95	
15	PT015	Đỗ Văn	Chung	22/10/1982		TTCM	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013		x		65,0	52,00		92,5	
16	PT016	Phạm Xuân	Công	15/12/1982		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử	2015		x		75,0	56,25		100	
17	PT017	Nguyễn Văn	Công	16/01/1978		PHT	Trường THPT Số 2 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2014		x		50,0	47,50		97,5	
18	PT018	Bùi Thị	Cúc		09/09/1974	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,33	ĐH Chuyên trồng trọt	2003		x		37,5	35,50		87,5	
19	PT019	Nguyễn Mạnh	Cường	20/10/1982		PHT	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-KTNN	2005		x		80,0	56,50		97,5	
20	PT020	Lã Mạnh	Cường	7-10-1983		PHT	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ Vật lý	2015		x		77,5	48,25		95	
21	PT021	Đào Trọng	Cường	06/08/1983		Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Toán	2006		x		47,5	53,50		87,5	
22	PT022	Hoàng Thị	Dung		27-10-1988	TTCM	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	ĐHSP Tiếng Anh	2010			Tiếng Trung	70,0	51,25	95,00	97,50	
23	PT023	Nguyễn Thị Kim	Dung		09/07/1978	Giáo viên	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Ngữ Văn	2016		x		47,5	47,50		97,5	
24	PT024	Triệu Mai	Dung		27-3-1981	TTCM	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	2004		x		52,5	59,00		100	
25	PT025	Trần Thị	Dung		07/11/1983	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2007			Tiếng Anh	50,0	47,50	100	97,5	
26	PT026	Lê Đức	Dũng	07/03/1986		TTCM	Trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Sinh học	2016		x		70,0	60,00		97,5	
27	PT027	Cao Trần	Dũng	12-8-1982		TTCM	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2012		x		62,5	64,50		97,5	
28	PT028	Nguyễn Tiến	Dũng	6-4-1987		Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Vật lý	2017		x		67,5	56,50		97,5	
29	PT029	Mà Trung	Dũng	24-3-1983		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2016		x		72,5	46,00		97,5	
30	PT030	Phạm Huy	Dũng	19-6-1982		PHT	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Vật lý			x		57,5	56,00		80	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
31	PT031	Phạm Thanh	Dương	20-10-1969		PHT	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ QLGD	2014		x		72,5	61,00		77,5	
32	PT032	Nguyễn Đại	Dương	23-5-1970		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Kỹ thuật	1996		x		57,5	46,50		90	
33	PT033	Nguyễn Thị Ánh	Dương		13/07/1977	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Tiếng Anh	2011		x		65,0	43,00		87,5	
34	PT034	Đỗ Thùy	Dương		20-11-1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2006			Tiếng Anh	65,0	60,75	100	100	
35	PT035	Chu Thùy	Dương		2-2-1985	Giáo viên	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Lịch sử	2007		x		72,5	60,75		97,5	
36	PT036	Lương Thế	Dương	29/3/1982		PHT	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ QLGD	2017		x		62,5	33,00		95	
37	PT037	Bùi Thị Hải	Đường		30/12/1981	PTP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Địa lý	2005			Tiếng Anh	70,0	55,00	100	95	
38	PT038	Đỗ Thị Hải	Duyên		15/11/1983	GV	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Địa lý	2006		x		55,0	53,75	95	92,5	
39	PT039	Mông Thị	Duyên		12-8-1974	HT	Trường PTDTNT THCS&THPT Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Địa lý	1996		x		60,0	47,50		92,5	
40	PT040	Phạm Văn	Đại	10-10-1984		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Địa lý	2014		x		75,0	59,00		97,5	
41	PT041	Phạm Văn	Điệp	06/01/1983		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Vật lý	2006			Tiếng Anh	77,5	48,00	95	87,5	
42	PT042	Bùi Văn	Định	1-1-1981		TTCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Toán học	2007			Tiếng Anh					bỏ thi
43	PT043	Nguyễn Thị Thanh	Định		30/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP GDCD	2003			Tiếng Trung	95,0	59,00	95	95	
44	PT044	Đỗ Công	Đô	15-11-1984		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	ĐHSP Vật lý	2008		x		65,0	49,50		92,5	
45	PT045	Trần Văn	Đoàn	01/11/1982		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Lịch sử	2018		x		60,0	61,50		97,5	
46	PT046	Cao Quý	Đông	17-3-1983		PHT	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2012			Tiếng Anh	70,0	53,50	95	100	
47	PT047	Dương Quý	Đông	7-2-1982		Giáo viên	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Vật lý	2005		x		72,5	33,00		97,5	
48	PT048	Nguyễn Mạnh	Đức	25/10/1984		Giáo viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ Toán học	2017		x		90,0	38,50		97,5	
49	PT049	Lưu Thị Minh	Đức		15/6/1970	HT	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98 VK 7%	Thạc sĩ QLGD	2012		x		62,5	55,50		92,5	
50	PT050	Đào Anh	Đức	23/09/1982		PHT	Trường THPT Số 2 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-Hóa	2004		x		82,5	59,50		95	
51	PT051	Dương Thị Thu	Hà		25-10-1969	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Toán học	1990			Tiếng Anh					bỏ thi
52	PT052	Phạm Thị Thu	Hà		25-4-1983	TPCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	ĐHSP Hóa học	2007		x		72,5	55,25		95	
53	PT053	Đỗ Thu	Hà		05/01/1985	TTCM	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Ngữ văn	2012		x		62,5	59,50		97,5	
54	PT054	Cù Thị Thu	Hà		5-9-1976	TTCM	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Lịch sử	1998		x		67,5	72,75		92,5	
55	PT055	Nguyễn Thị Hoàng	Hà		2-8-1976	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		70,0	56,25		97,5	
56	PT056	Ngô Thị Hải	Hà		10/07/1978	Giáo viên	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Tiếng Anh	2000			Tiếng Trung	55,0	40,50	95	92,5	
57	PT057	Nguyễn Thị Thu	Hà		11-9-1982	Giáo viên	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	2005			Tiếng Anh					bỏ thi
58	PT058	Nguyễn Việt	Hà	20-1-1984		TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2010			Tiếng Anh	50,0	58,25	100	97,5	
59	PT059	Hoàng Đức	Hà	13/07/1971		Giáo viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Anh	1998		x						bỏ thi
60	PT060	Phạm Thanh	Hải	10-10-1975		HT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ QLGD	1997		x		77,5	58,00		97,5	
61	PT061	Nguyễn Thanh	Hải	20-10-1981		TPCM	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2011		x		57,5	46,25		97,5	
62	PT062	Nguyễn Thị	Hải		05/8/1977	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Tiếng Anh	2003			Tiếng Trung					bỏ thi
63	PT063	Lương Thanh	Hải	23/04/1983		Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013		x		50,0	56,00		100	
64	PT064	Trần Hữu	Hải	28-9-1986		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Toán học	2016		x		62,5	57,00		97,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
65	PT065	Mai Thị	Hằng		11/11/1979	PGĐ	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Văn Bàn	15113	3,66	ĐHSP Sinh	2013		x		65,0	56,50		92,5	
66	PT066	Nguyễn Thị	Hằng		20/8/1983	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Sa Pa	V.07.05.15	3,99	Đại học Quản lý giáo dục	2011		x		82,5	56,00		87.5	
67	PT067	Nguyễn Thị	Hằng		14-4-1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	ĐHSP Tiếng Anh	2006			Tiếng Trung					bỏ thi
68	PT068	Hoàng Thị Thu	Hằng		22-7-1982	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	2005			Tiếng Anh					bỏ thi
69	PT069	Nguyễn Thị Thu	Hằng		9-10-1982	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Toán học	2005			Tiếng Anh	57,5	56,00	100	97,5	
70	PT070	Hoàng Thị Thu	Hằng		9-1-1983	Giáo viên	Trường THPT số 3 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	2005			Tiếng Anh	70,0	64,00	95	95	
71	PT071	Phạm Thị	Hằng		11-2-1986	Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Tin học	2008	x		Tiếng Anh	82,5	58,50	100		
72	PT072	Đỗ Thị	Hạnh		5-7-1985	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Ngữ văn	2009			Tiếng Anh	72,5	55,75	100	97,5	
73	PT073	Hà Thị	Hạnh		10/6/1982	TPCM	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP TLGD	2006			Tiếng Anh	65,0	60,50	95	92,5	
74	PT074	Hoàng Thị Hồng	Hạnh		12/5/1980	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP GDCD	2003			Tiếng Anh	72,5	66,50	85	90	
75	PT075	Phạm Đức	Hạnh	11-5-1987		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ Máy tính	2015	x	x		67,5	61,50			
76	PT076	Nguyễn Thị	Hạnh		12/11/1974	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ Ngữ văn	2016		x		55,0	57,50		87,5	
77	PT077	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		14/10/1979	TPCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Tiếng Trung Quốc	2017			Tiếng Anh	67,5	69,50	100	92,5	
78	PT078	Nguyễn Thuỷ	Hạnh		7-7-1982	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Toán học	2004			Tiếng Anh	72,5	62,50	100	97,5	
79	PT079	Đỗ Thị	Hạnh		26/03/1976	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Hóa học	1998			Tiếng Anh	60,0	46,00	95	100	
80	PT080	Bàn Thị	Hạt		10-2-1982	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	ĐHSP GDCD	2007		x		45,0	60,50	100	97,5	
81	PT081	Nguyễn Thúy	Hậu		16-7-1987	Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	ĐHSP Toán học	2010			Tiếng Anh	67,5	57,00		85,00	
82	PT082	Trần Thị Minh	Hậu		06/8/1981	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		75,0	60,00		97,5	
83	PT083	Bùi Huy	Hậu	16-11-1982		TTCM	Trường THPT số 2 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP TDTT	2006		x		85,0	59,00		95	
84	PT084	Nguyễn Thanh	Hiên		2-5-1982	TTCM	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	ĐHSP Địa lý	2004		x		80,0	70,00		100	
85	PT085	Nguyễn Thị Thanh	Hiền		10-7-1972	TTCM	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Tiếng Anh	1994			Tiếng Trung	67,5	56,00	100	97,5	
86	PT086	Nguyễn Thị	Hiền		19-11-1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Địa lý	2014			Tiếng Anh	77,5	72,00	100	100	
87	PT087	Phạm Thu	Hiền		05/04/1979	TTCM	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Lịch sử	2001		x		82,5	72,50		100	
88	PT088	Vũ Thị Thu	Hiền		14/11/1969	TTCM	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Hóa học	1992		x		82,5	63,00		100	
89	PT089	Đặng Thị	Hiền		25/03/1989	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Lịch sử	2014		x		77,5	66,00		100	
90	PT090	Trịnh Thị Thu	Hiền		05/10/1983	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hóa học	2014			Tiếng Anh	72,5	77,50	100	100	
91	PT091	Đỗ Thị	Hiền		15/03/1986	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Hóa học	2008		x		82,5	68,50		100	
92	PT092	Vũ Thị	Hiền		10/01/1987	Giáo viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Toán học	2009			Tiếng Anh					bỏ thi
93	PT093	Nguyễn Văn	Hiền	22-5-1979		PHT	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ QLGD	2017		x		70,0	65,75		100	
94	PT094	Vũ Trung	Hiếu	14/4/1978		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP GDTC	2006		x		67,5	66,75		100	
95	PT095	Bùi Thị Chung	Hiếu		14/10/1982	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Vật lý-Tin học	2004	x		Tiếng Anh	62,5	60,25	100		
96	PT096	Lương Văn	Hình	16-8-1988		Giáo viên	Trường THPT số III huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	ĐHSP Ngữ văn	2011			Tiếng Anh	65,0	63,00	100	92,5	
97	PT097	Đoàn Thị	Hoa		02/8/1978	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,99	ĐH Sinh -Kỹ thuật nông nghiệp	2001		x		45,0	56,50		80	
98	PT098	Mai Thị	Hoa		03/08/1975	PHT	Trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Hóa học	1998		x		57,5	57,00		92,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
99	PT099	Đàm Đình	Hoa	05/10/1962		PGĐ	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK12%	ĐHSP Vật lý	1991		x		57,5	56,00		95	
100	PT100	Đỗ Ngọc	Hoa		25/09/1984	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Tiếng Anh	2015			Tiếng Trung	45,0	58,00	95	97,5	
101	PT101	Phan Thị Kim	Hòa		17-9-1981	TPCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP GDCD	2003			Tiếng Anh					bỏ thi
102	PT102	Lục Thị	Hòa		14/04/1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tiếng Anh	2007		x		47,5	56,25		97,5	
103	PT103	Trần Thị	Hoàn		10/06/1966	PHT	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Toán học	1990		x		60,0	55,25		95	
104	PT104	Phạm Văn	Hoàng	05/11/1981		PHT	Trường THPT số 2 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Sinh học	2015		x		67,5	60,25		82,5	
105	PT105	Nguyễn Bá	Hoàng	7-11-1982		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013			Tiếng Anh	67,5	56,00	95	90	
106	PT106	Phạm Nguyên	Hoàng	03/12/1979		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Vật lý	2002			Tiếng Anh	52,5	55,25	100	90	
107	PT107	Hoàng Đình	Hoạt	19/01/1985		PHT	Trường THPT số 2 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Địa lý	2010			Tiếng Anh	42,5	56,50	100	87,5	
108	PT108	Nguyễn Thị	Hồng		10-10-1981	PHT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Ngữ văn	2003			Tiếng Anh	67,5	55,50	100	92,5	
109	PT109	Nguyễn Thị	Hồng		01/4/1971	PHT	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Tiếng Anh	1994		x		67,5	60,50		97,5	
110	PT110	Quách Thị Thúy	Hồng		18-11-1984	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		67,5	64,00		97,5	
111	PT111	Nguyễn Thị	Hồng		19/12/1965	HT	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK9%	ĐHSP Toán học	1988	x	x		65,0	44,50			
112	PT112	Phạm Thị	Huế		19/9/1984	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2006		x		72,5	72,00		92,5	
113	PT113	Nguyễn Thị Minh	Huế		11-11-1975	PHT	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Địa lý	1997		x		62,5	55,50		90	
114	PT114	Phạm Thị	Huế		11/01/1976	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Ngữ văn	1997		x		70,0	63,00		97,5	
115	PT115	Phạm Thị Minh	Huệ		08/8/1977	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2012			Tiếng Anh	65,0	55,50	100	95	
116	PT116	Lê Văn	Hùng	18/4/1988		Giáo viên	Trường THPT số III huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	ĐHSP Hóa học	2011			Tiếng Anh	82,5	65,50	100	100	
117	PT117	Cao Duy	Hùng	12-12-1982		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013		x		62,5	38,00		100	
118	PT118	Trang Mạnh	Hùng	14/10/1983		Giáo viên	Trường THPT Số 2 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Địa lý	2015		x		62,5	58,50		95	
119	PT119	Nguyễn Văn	Hưng	28-1-1980		PHT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Tiếng Anh	2004			Tiếng Trung	75,0	59,00	90	100	
120	PT120	Lê Quang	Hưng	6-6-1980		PHT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ QLGD	2017		x		75,0	58,00		92,5	
121	PT121	Nguyễn Quang	Hưng	31-12-1974		Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Kỹ thuật	2010	x	x		57,5	57,50			
122	PT122	Đinh Thị Minh	Hương		17/7/1979	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Ngữ văn	2001		x		55,0	57,50		82,5	
123	PT123	Nguyễn Thị Thu	Hương		28-9-1976	TPCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.32	ĐHSP Ngữ văn	1998			Tiếng Anh	50,0	57,00	100	87,5	
124	PT124	Hoàng Thị Thùy	Hương		18-9-1987	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Địa lý	2009			Tiếng Anh	55,0	61,50	100	97,5	
125	PT125	Nguyễn Thu	Hương		8-6-1987	Giáo viên	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Toán học	2009		x		67,5	58,00		97,5	
126	PT126	Lê Thị Xuân	Hương		30/10/1975	Giáo viên	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Anh	1998		x		67,5	58,00		97,5	
127	PT127	Lê Thị Thanh	Hương		26-10-1970	TTCM	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Vật lý	1992		x		67,5	56,00		85	
128	PT128	Nguyễn Lan	Hương		25-9-1972	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Tiếng Anh	1994		x		65,0	57,50		92,5	
129	PT129	Lưu Quốc	Hương	21-11-1977		PHT	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2006			Tiếng Anh	65,0	57,00	95	90	
130	PT130	Trần Thị Thu	Hương		20/6/1984	TPCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Hóa học	2006			Tiếng Anh	67,5	64,00	95	90	
131	PT131	Lại Thị	Hương		18/01/1981	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Vật lý	2005			Tiếng Anh	67,5	61,00	95	87,5	
132	PT132	Ngô Thị Thu	Hường		13-8-1979	HT	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ Ngữ văn	2013		x						bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
133	PT133	Lê Thị Minh	Hường		1-1-1980	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-Hóa	2002			Tiếng Anh	57,5	59,00	95	92,5	
134	PT134	Nguyễn Thu	Hường		26/09/1980	TPCM	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Địa lý	2002			Tiếng Anh	75,0	57,50	100	92,5	
135	PT135	Vũ Thu	Hường		17/7/1978	HT	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ QLGD	2015		x		75,0	66,00		92,5	
136	PT136	Hoàng Thị Thu	Hường		26/01/1986	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Văn	2009		x						bỏ thi
137	PT137	Trần Văn	Hường	13-10-1983		Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Vật lý	2015		x		75,0	73,50		92,5	
138	PT138	Hoàng Văn	Huy	23/06/1981		PHT	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ QLGD	2017		x		62,5	61,00		92,5	
139	PT139	Phạm Thị	Huyền		1980	PGĐ	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX	Huyện Bát Xát	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh -KTNN	2003		x		60,0	62,50		90	
140	PT140	Nguyễn Thị	Huyền		25-4-1977	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,66	ĐH Chuyên ngành Nông học	2003			Tiếng Anh	55,0	37,50	85	90	
141	PT141	Tân Thanh	Huyền		6-9-1977	Giáo viên	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		52,5	47,00		87,5	
142	PT142	Chu Thị Thanh	Huyền		01/7/1981	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP GDCD	2003		x		65,0	52,00		97,5	
143	PT143	Vũ Thương	Huyền		4-4-1972	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Sinh-KTNN	1992		x		75,0	65,00		85	
144	PT144	Trần Thị Thu	Huyền		12/10/1983	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Sinh học	2017		x		65,0	65,50		90	
145	PT145	Trần Thị Thanh	Huyền		29/07/1975	HT	Trường THPT Số 2 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2017		x		77,5	60,50		90	
146	PT146	Nguyễn Thị Vân	Khánh		05/01/1986	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Tiếng Anh	2008			Tiếng Trung	82,5	68,50	95	97,5	
147	PT147	Cứ A	Khoa	14/4/1985		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Sa Pa	V.07.05.15	3,00	Đại học Sư phạm Lịch sử	2009		x		67,5	61,00		90	
148	PT148	Phan Trọng	Khương	17-8-1981		PHT	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Sinh học	2013		x		67,5	73,00		95	
149	PT149	Đặng Minh	Khương	29-5-1979		HT	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Sinh học	2015		x		85,0	72,00		100	
150	PT150	Mai Hồng	Kiên	23-7-1978		TPCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Tin học	2004	x		Tiếng Anh	72,5	75,00	100		
151	PT151	Nguyễn Hoàng	Kiên	02/11/1980		Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Triết học	09/2003			Tiếng Anh	80,0	75,00	100	95	
152	PT152	Lê Thu	Lan		19-3-1985	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,33	ĐH Tin học	2008	x	x		65,0	62,00			
153	PT153	Nguyễn Thị Phương	Lan		29/9/1980	TTCM	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	2003			Tiếng Anh	60,0	58,00	95	90	
154	PT154	Lê Thị Tuyết	Lan		23-2-1967	PHT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Vật lý	2008		x		60,0	51,00		92,5	
155	PT155	Lê Thị Phương	Lan		08/02/1985	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Địa lý	2007			Tiếng Anh	80,0	68,50	100	95	
156	PT156	Phạm Thị Hồng	Lan		16-1-1971	PHT	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ QLGD	2016		x		72,5	74,00		92,5	
157	PT157	Tần Thị	Liên		5-6-1975	TP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Trung	2004		x		85,0	53,00		90	
158	PT158	Đinh Thị Quỳnh	Liên		9-11-1986	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Toán học	2009			Tiếng Anh	95,0	72,00	100	95	
159	PT159	Hoàng Thị Mỹ	Linh		08/11/1981	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Văn Bàn	15113	3,66	Ths Văn	2013		x		77,5	49,00		92,5	
160	PT160	Tống Thị Thùy	Linh		11/9/1982	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngữ văn	2014			Tiếng Anh	77,5	73,00	100	92,5	
161	PT161	Đào Khánh	Linh	08/03/1965		PHT	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK10%	Thạc sĩ QLGD	1012		x		65,0	52,00		95	
162	PT162	Nguyễn Thị Tố	Loan		12-8-1984	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch Sử	2013		x		70,0	66,00		95	
163	PT163	Trần Thị	Loan		10/4/1988	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Sinh-KTNN	2011			Tiếng Anh	77,5	70,00	100	100	
164	PT164	Nguyễn Duy	Long	8-10-1982		PHT	Trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2004		x		77,5	62,50		92,5	
165	PT165	Trần Đình	Long	9/8/1987		Giáo viên	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Địa lý	2010			Tiếng Anh	70,0	71,00	100	95	
166	PT166	Nguyễn Tiến	Lực	20/8/1980		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP GDTC	2008			Tiếng Anh	62,5	62,00	100	95	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
167	PT167	Phạm Thị	Lương		23/11/1975	PHT	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Vật lý	1997		x		57,5	71,50		90	
168	PT168	Vũ Thị	Lựu		1983	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX	Huyện Bát Xát	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2009	x	x		57,5	62,00			
169	PT169	Lã Thị	Luyến		27/7/1981	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Sinh học	2008			Tiếng Anh	70,0	56,50	100	85	
170	PT170	Hoàng Thị Thúy	Mai		18-6-1978	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.99	ĐHSP Sinh học	2000			Tiếng Anh	67,5	57,50	100	85	
171	PT171	Đỗ Thị Tuyết	Mai		3-10-1974	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Địa lý	1995			Tiếng Anh	40,0	56,00	100	92,5	
172	PT172	Trần Xuân	Mai		6-6-1969	PHT	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ QLGD	1992		x		77,5	56,50		100	
173	PT173	Lê Thanh	Mai		25/02/1982	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Toán học	2004		x		72,5	60,00		100	
174	PT174	Nguyễn Thế	Mạnh	05/8/1976		PHT	Trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ QLGD	2012		x		65,0	46,00		95	
175	PT175	Trần Huy	Mạnh	26-10-1982		TPCM	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2015		x		60,0	61,00		95	
176	PT176	Vi Thị Hoài	Mơ		06/10/1979	PHT	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Lịch sử	2003			Tiếng Anh	62,5	62,50	100	92,5	
177	PT177	Phạm Xuân	Năm		01/8/1984	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2006			Tiếng Anh	65,0	48,75	100	95	
178	PT178	Nguyễn Thị	Năm		13/12/1969	PHT	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Ngữ văn	1992			Tiếng Anh	42,5	61,00	95	85	
179	PT179	Lê Thị Thu	Nga		22/09/1986	Giáo viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	ĐHSP Lịch sử	2009			Tiếng Anh	72,5	57,50	100	90	
180	PT180	Nguyễn Thị	Ngà		20-10-1982	TTCM	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2014	x	x		70,0	45,50			
181	PT181	Ngô Quang	Nghiệp	6-1-1986		TTCM	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Toán học	2009			Tiếng Anh	42,5	23,50	95	92,5	
182	PT182	Nguyễn Thị	Ngoan		17/9/1983	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2017		x		72,5	52,00		97,5	
183	PT183	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		04/09/1981	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Ngữ văn	10/2005			Tiếng Anh	50,0	45,00	100	100	
184	PT184	Phùng Viết	Nguyên	19-12-1981		Giáo viên	Trường THPT số 3 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2017		x		75,0	49,50		82,5	
185	PT185	Bùi Thị Khánh	Nguyệt		20-1-1981	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,66	ĐH Chuyên Địa lý	2003			Tiếng Anh	67,5	52,50	100	97,5	
186	PT186	Trần Thị	Nguyệt		30/12/1977	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Tiếng Anh	2002		x		47,5	32,00		90	
187	PT187	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		09/08/1980	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-KTNN	2002		x		55,0	56,50		90	
188	PT188	Mai Thị	Nguyệt		12/10/1986	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Lịch sử	2010		x		62,5	49,50		100	
189	PT189	Lê Thị	Nhiễu		25-11-1980	Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	ĐHSP Vật lý	2004		x		60,0	56,00		92,50	
190	PT190	Nguyễn Thị	Nhìn		24-4-1976	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2004		x		55,0	56,50		100	
191	PT191	Bùi Thị Tuyết	Nhung		23/11/1983	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2006			Tiếng Anh	55,0	70,00	90	92,5	
192	PT192	Nguyễn Thị	Nhung		13-4-1981	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Hóa học	2002		x		70,0	62,00		100	
193	PT193	Nguyễn Thị Kim	Oanh		19-5-1979	Giáo viên	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Tiếng Anh	2005			Tiếng Trung	57,5	58,50	100	90	
194	PT194	Lê Thị Ngọc	Oanh		24-5-1981	TP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Kỹ thuật	2010		x		55,0	56,50		95	
195	PT195	Hoàng Thị	Oanh		08/12/1973	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Địa lý	1997		x		70,0	55,25		97,5	
196	PT196	Lương Thị	Oanh		01/07/1986	Giáo viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.00	ĐHSP Địa lý	2010			Tiếng Anh	85,0	57,00	100	95	
197	PT197	Giàng A	Pao	15/11/1974		PHT	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ QLGD	2017		x		65,0	63,00		90	
198	PT198	Hoàng Văn	Phong	14-6-1967		HT	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK8%	ĐHSP Địa lý	2004		x		60,0	55,50		87,5	
199	PT199	Nguyễn Văn	Phú	12-3-1987		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Toán học	2015		x		57,5	51,50		97,5	
200	PT200	Hoàng Văn	Phước	1-10-1982		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2008	x	x		60,0	69,00			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
201	PT201	Đỗ Thị Hồng	Phương		19/09/1979	TTCM	Trường THPT số 2 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Vật lý	2001			Tiếng Anh	80,0	63,00	100	97,5	
202	PT202	Nguyễn Thị	Phương		28/04/1970	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK6%	ĐHSP TDTT	1998			Tiếng Anh					bỏ thi
203	PT203	Hoàng Minh	Phượng	14/02/1983		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2008	x	x		67,5	59,00			
204	PT204	Nguyễn Mai	Phượng		22/11/1982	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hóa học	2012		x		67,5	59,75		95	
205	PT205	Trần Hồng	Quân	30/9/1980		PHT	Trường PTDTNT THCS&THPT Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Sinh học	2013		x		80,0	64,00		95	
206	PT206	Đinh Đức	Quang	17/02/1983		TTCM	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Vật Lí	2016		x		72,5	55,50		92,5	
207	PT207	Phạm Vinh	Quang	10/7/1975		HT	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2008		x		60,0	59,00		95	
208	PT208	Phạm Thị Nguyệt	Quế		15-3-1977	Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ Tiếng Anh	2016			Tiếng Trung	55,0	45,00	100	87,5	
209	PT209	Phùng Thị Thanh	Quy		14/11/1987	Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Lịch sử	2009			Tiếng Anh	72,5	56,50	90	100	
210	PT210	Trần Vinh	Quy	1-5-1986		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	ĐHSP Hóa học	2010		x		65,0	57,00		92,5	
211	PT211	Bùi Ngọc	Quý	09/10/1987		Giáo viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Tin học	2009	x	x		67,5	71,00			
212	PT212	Tô Thị Như	Quỳnh		04/7/1984	TPCM	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	Thạc sĩ Vật lý	2016		x		72,5	56,00		90	
213	PT213	Vương Văn	Quỳnh	20/04/1985		Giáo viên	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Vật lý	2008		x		75,0	56,00		90	
214	PT214	Lê Ngọc	Quỳnh		14-10-1977	PHT	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ văn	2012		x		70,0	59,50		92,5	
215	PT215	Phan Như	Quỳnh	28-11-1977		PHT	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ QLGD	2017		x		65,0	56,00		82,5	
216	PT216	Trần Thế	Sơn	20/9/1977		HT	Trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,22	Thạc sĩ Sinh học	2008		x		70,0	55,75		90	
217	PT217	Phạm Ngọc	Sơn	24-4-1978		TP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hóa học	2013		x		55,0	58,50		97,5	
218	PT218	Nguyễn Thị	Tâm		14-8-1980	TPCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP GDTC	2009			Tiếng Anh	67,5	56,00	100	90	
219	PT219	Nguyễn Thị	Tâm		10-5-1984	TPCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Đại học Lịch sử	2006			Tiếng Anh	75,0	73,00	100	100	
220	PT220	Nguyễn Quang	Tân	12-5-1984		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2013			Tiếng Anh	75,0	63,00	100	100	
221	PT221	Hồ Vương	Thái	24-12-1968		HT	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK5%	Thạc sĩ QLGD	2012		x		77,5	70,00		100	
222	PT222	Nguyễn Đình	Thái	28/5/1978		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Kỹ thuật	2010			Tiếng Anh	60,0	57,50	100	90	
223	PT223	Hà Trọng	Thái	8-7-1980		Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Lịch sử	2008		x		40,0	57,50		92,5	
224	PT224	Phạm Thị	Thắm		1982	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX	Huyện Bát Xát	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Địa lý	2006		x		42,5	45,50		85	
225	PT225	Trần Thị	Thắm		06/5/1982	Giáo viên	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Vật lý	2004			Tiếng Anh	77,5	77,50	100	97,5	
226	PT226	Hoàng Mạnh	Thắng	8-1-1975		PHT	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Toán học	2007	x		Tiếng Anh	47,5	40,50	100		
227	PT227	Lương Cao	Thắng	9-9-1984		PHT	Trường THPT số 3 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Vật lý	2008		x		67,5	55,50		97,5	
228	PT228	Lương Văn	Thắng	05/08/1973		Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Công nghiệp	2009			Tiếng Anh	57,5	63,00	100	95	
229	PT229	Vương Văn	Thắng	19/08/1975		PHT	Trường PTDTNT THCS&THPT Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Sinh học	2011		x		67,5	66,00		92,5	
230	PT230	Vũ Ngọc	Thanh	1982		Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX	Huyện Bát Xát	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	ĐH 2007;		x		75,0	55,50		95	
231	PT231	Phạm Thị Tuyết	Thanh		14-10-1973	PHT	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ QLGD	2012	x	x		82,5	64,50			
232	PT232	Trần Thị	Thanh		27/7/1976	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Kỹ thuật	2010		x		70,0	45,50		90	
233	PT233	Nguyễn Thị Hồng	Thanh		4-6-1981	TTCM	Trường THPT số 2 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Toán học	2017		x		75,0	60,00		97,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
234	PT234	Phạm Ngọc	Thành	14-6-1978		TTCM	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Toán học	2001			Tiếng Anh	65,0	64,50	100	95	
235	PT235	Nguyễn Trung	Thành	1-2-1980		HT	Trường THPT số 3 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Vật lý	2011		x		57,5	59,50		97,5	
236	PT236	Lù Văn	Thành	20/06/1979		PHT	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ QLGD	2016		x		62,5	62,00		95	
237	PT237	Nguyễn Tiến	Thành	1-3-1979		Giáo Viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP TDTT	2004			Tiếng Anh	47,5	48,50	100	95	
238	PT238	Lừu Seo	Thào	15/09/1980		TTCM	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Sinh	2008		x		45,0	48,00		90	
239	PT239	Hà Phương	Thảo		08/04/1975	Giáo Viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP TDTT	1996		x		75,0	62,50		90	
240	PT240	Trịnh Văn	Thể	18-7-1983		Giáo Viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Sinh học	2006			Tiếng Anh	82,5	59,50	95	90	
241	PT241	Hà Thị	Thiều		10-10-1977	Giáo Viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Ngữ văn	1999			Tiếng Anh	60,0	60,50	100	87,5	
242	PT242	Nguyễn Thị Anh	Thơ		01/09/1984	Giáo Viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2006		x		67,5	49,75		97,5	
243	PT243	Hà Văn	Thọ	28/05/1981		TTCM	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Toán	2007		x		65,0	62,00		95	
244	PT244	Nguyễn Thị	Thơm		1-1-1983	Giáo Viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Sinh-KTNN	2004			Tiếng Anh	85,0	72,50	100	100	
245	PT245	Nguyễn Thị Hoài	Thu		27-9-1981	Giáo Viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ chuyên ngành Hóa vô cơ	2016			Tiếng Anh	82,5	57,25	100	95	
246	PT246	Ma Thị Bích	Thu		3-6-1983	Giáo Viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Ngữ văn	2007			Tiếng Anh					bò thi
247	PT247	Lê Thị	Thu		18/8/1986	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Sinh học	2008			Tiếng Anh	85,0	56,50	100	97,5	
248	PT248	Đặng Thị Hoài	Thu		08/07/1985	Giáo Viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,3	ĐHSP Địa lý	2007		x		82,5	75,00		95	
249	PT249	Nguyễn Thị Minh	Thu		26/6/1983	Giáo Viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Tiếng Anh	2017			Tiếng Trung	75,0	60,50	80	97,5	
250	PT250	Lương Hoài	Thu		17-4-1982	Giáo Viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2018		x		55,0	56,25		95	
251	PT251	Từ Thị	Thu		21/02/1986	Giáo Viên	Trường THPT số 1 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Hóa học	2009			Tiếng Anh	55,0	49,00	100	100	
252	PT252	Đặng Quang	Thuận	29-8-1977		Giáo Viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Đại học TDTT	1999		x		82,5	42,00		92,5	
253	PT253	Nguyễn Minh	Thuận	26/10/1977		PHT	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Vật lý	2009		x		80,0	56,00		100	
254	PT254	Lư Thị Lệ	Thương		02-09-1987	TTCM	Trường THPT số III huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Vật lý	2010			Tiếng Anh	80,0	60,50	100	100	
255	PT255	Lưu Thị Thanh	Thúy		16/03/1988	Giáo Viên	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Địa lý	2011			Tiếng Anh	77,5	58,00	80	100	
256	PT256	Bùi Thị Phương	Thúy		9/10/1982	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Văn học	2016		x		80,0	56,00		97,5	
257	PT257	Lê Thị	Thúy		25/12/1972	Giáo Viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,65	ĐHSP Hóa học	1994			Tiếng Anh	77,5	67,75	100	97,5	
258	PT258	Đoàn Thu	Thùy		8-7-1983	TTCM	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2016	x	x		77,5	67,25			
259	PT259	Trần Thị Thu	Thủy		19-11-1981	Giáo Viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Sinh học	2017		x		65,0	59,50		97,5	
260	PT260	Cao Thị Thanh	Thủy		21/01/1977	TTCM	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Ngữ Văn	1999			Tiếng Anh	72,5	60,50	95	100	
261	PT261	Bùi Thu	Thủy		16/9/1982	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngữ văn	2004		x		70,0	73,50		97,5	
262	PT262	Nguyễn Thị Thu	Thủy		11-12-1983	Giáo Viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2008	x	x		72,5	51,75			
263	PT263	Nguyễn Trọng	Thủy	13/03/1978		TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	ĐHSP GDTC	2001			Tiếng Anh	72,5	58,00	100	95	
264	PT264	Nguyễn Thị	Thuyết		25-1-1981	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Địa lý	2016		x		70,0	57,00		97,5	
265	PT265	Bùi Văn	Tiến	20/11/1985		PHT	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Vật lý	2010			Tiếng Anh	65,0	56,25	85	80	
266	PT266	Đường Duy	Toại	10-10-1980		TP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Lịch sử	2015		x		67,5	64,50		92,5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
267	PT267	Đinh Triệu	Toàn	02/12/1982		TTCM	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hóa học	2014		x		57,5	58,50		95	
268	PT268	Nguyễn Xuân	Toàn	25/7/1974		HT	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Anh	1999			Tiếng Trung	65,0	35,50	30	97,5	
269	PT269	Nguyễn Xuân	Toàn	28/01/1984		Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Si Ma Cai	V.07.05.15	3,00	Ths Lý	2016		x		65,0	61,50		100	
270	PT270	Vũ Ngọc	Trai	18-10-1974		PHT	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Lịch sử	1998			Tiếng Anh	70,0	58,50	85	95	
271	PT271	Ngô Minh	Trân	16-12-1961		PHT	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4.98; VK12%	ĐHSP Vật lý	1983		x						bỏ thi
272	PT272	Lường Thị Thu	Trang		18-2-1986	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Toán học	2008			Tiếng Anh	55,0	56,00	100	97,5	
273	PT273	Sùng A	Trang	19/4/1981		Giáo viên	Trường THPT số 2 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Lý-Toán	2006			Tiếng Anh	57,5	49,50	90	90	
274	PT274	Nguyễn Thị Cẩm	Trang		12-12-1989	Giáo viên	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2,67	ĐHSP Hóa học	2012			Tiếng Anh	55,0	62,00	95	97,5	
275	PT275	Nguyễn Thị Khánh	Trình		10/5/1983	Giáo viên	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Tin học	2008	x		Tiếng Anh	77,5	64,50	100		
276	PT276	Vương Quang	Trọng	5-6-1985		TTCM	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Hóa học	2009	x	x		75,0	59,00			
277	PT277	Trần Thành	Trung	5-9-1978		Giáo viên	Trường THPT số 3 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Vật lý	2005			Tiếng Anh	70,0	55,75	95	95	
278	PT278	Nguyễn Thành	Trung	19/5/1986		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Vật lý	2015		x		55,0	47,50		95	
279	PT279	Đoàn Kiên	Trung	13-4-1982		TTCM	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học	2014		x		67,5	45,50		97,5	
280	PT280	Phạm Quang	Trung	03/12/1984		TTCM	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Hà	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử	2015		x		72,5	57,50		97,5	
281	PT281	Phạm Xuân	Trường	22-11-1982		TTCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Vật lý	2017		x		57,5	48,00		95	
282	PT282	Đỗ Ngọc	Tú	24-5-1979		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	2.67	ĐHSP Toán học	2011		x		62,5	56,50		97,5	
283	PT283	Nguyễn Anh	Tuân	20-11-1976		TTCM	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Địa lí	2012			Tiếng Anh					bỏ thi
284	PT284	Hoàng Anh	Tuấn	12-12-1980		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	TP Lào Cai	V.07.05.15	3,99	ĐH SP Toán	2003			Tiếng Anh	40,0	35,50	95	90	
285	PT285	Đỗ Anh	Tuấn	14-11-1982		PHT	Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ Toán học	2016		x		62,5	45,50		87,5	
286	PT286	Đặng Thanh	Tuấn	20-1-1978		Giáo viên	Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP GDTC	2006			Tiếng Anh	62,5	59,50	100	95	
287	PT287	Bùi Thanh	Tuấn	24-12-1981		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán học	2015		x		60,0	51,00		87,5	
288	PT288	Nguyễn Anh	Tuấn	15/09/1980		Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,99	ĐHSP GDTC	2005			Tiếng Anh	50,0	57,50	75	97,5	
289	PT289	Đỗ Hải	Tùng	23-7-1974		PGĐ	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Anh	1999		x		55,0	57,50		90	
290	PT290	Nguyễn Thanh	Tường	16-10-1974		PTP	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Tiếng Anh	1999		x		42,5	66,50		90	
291	PT291	Nguyễn Đức	Tường	1976		Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX	Huyện Bát Xát	V.07.05.15	3,99	ĐHSP Toán - Tin học; Thạc sĩ Toán	ĐH 1999 TS	x	x		57,5	50,00			
292	PT292	Nguyễn Thành	Tuyên	03/01/1979		Giáo viên	Trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử	2014		x		57,5	51,00		95	
293	PT293	Đàm Thị	Tuyến		26-4-1986	Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Sinh học	2008			Tiếng Anh	62,5	61,50	100	97,5	
294	PT294	Nguyễn Văn	Tuyến	16/6/1984		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Vật lý	2007		x		77,5	61,50		100	
295	PT295	Đoàn Thị	Tuyết		23/06/1974	TTCM	Trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Địa lý	1996		x		62,5	51,00		92,5	
296	PT296	Lê Thị Ánh	Tuyết		26/5/1979	Giáo viên	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,99	ĐHSP Kỹ thuật	2010			Tiếng Anh	50,0	65,50	95	87,5	
297	PT297	Nguyễn Thị	Uyên		08/01/1985	Giáo viên	Trường THPT DTNT tỉnh	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Địa lý	2007		x		67,5	63,50		85	
298	PT298	Nguyễn Thanh	Vân		16/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngữ văn	2016		x		70,0	68,50		97,5	
299	PT299	Vàng Quốc	Việt	01/4/1984		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Sa Pa	V.07.05.15	3,00	Đại học Nông lâm (CC Sư phạm dạy nghề)	2008		x		40,0	43.5		67.5	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Huyện/TP, Cơ quan quản lý	Mã hạng CDNN hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ								Tin học	Ngoại ngữ		Chuyên môn, nghiệp vụ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	
300	PT300	Hoàng Văn	Việt	21-8-1970		HT	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ QLGD	2012		x		60,0	57,00		82,5	
301	PT301	Chử Thị Bích	Việt		06/8/1986	Giáo viên	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,00	ĐHSP Sinh học	2008			Tiếng Anh	77,5	56,00	100	85	
302	PT302	Vũ Đình	Việt	10-4-1980		HT	Trường THPT số 2 Mường Khương	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Vật lý	2011			Tiếng Anh	70,0	70,50	100	97,5	
303	PT303	Hoàng Thế	Vinh	1-7-1984		Giáo viên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.33	ĐHSP Toán học	2007		x		75,0	64,00		95,00	
304	PT304	Nguyễn Thế	Vinh	22/01/1987		Giáo viên	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Vật lý	2011			Tiếng Anh	70,0	72,00	100	97,5	
305	PT305	Phạm Hồng	Xuân	14-11-1984		TPCM	Trường THPT số 2 huyen Bảo Yên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Lịch sử	2007			Tiếng Anh	70,0	72,00	100	97,5	
306	PT306	Nguyễn Thế	Yên	3-11-1981		PHT	Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ Toán học	2011			Tiếng Anh	62,5	74,50	95,00	95,00	
307	PT307	Phạm Thị	Yến		5-5-1975	PHT	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Lịch Sử	1997		x		37,5	70,50		97,5	
308	PT308	Trịnh Thị Bạch	Yến		26/05/1979	TTCM	Trường THPT Chuyên	Sở GD&ĐT	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Địa lý	2005		x		72,5	66,00		97,5	